

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/DS-ST

Ngày: 09-7-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Đức.

2. Bà Phạm Thanh Tuyền.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Trúc Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2024/TLST-DS ngày 11/3/2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2024/QĐXXST-DS ngày 19/6/2024, giữa các đương sự:

1- **Nguyên đơn:** Anh Thái Trường S, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang. *Có mặt*

2- **Bị đơn:** Anh Mạc Văn Hoàng A, sinh năm 1987 và chị Dương Thị Cẩm N, sinh năm 1989; cùng địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Anh S và vợ chồng anh Hoàng A, chị N là chỗ làm ăn quen biết khoảng hơn 03 năm. Vào khoảng tháng 4/2022 vợ chồng anh Hoàng A, chị N đến gặp anh S gợi ý vay tiền và anh S đồng ý. Vào ngày 05/5/2022, vợ chồng anh Hoàng A vay của anh S số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Từ khi vay thì vợ chồng anh Hoàng A đóng lãi được khoảng 01 năm, sau đó không đóng lãi nữa, anh S đến nhà

hiều lần đề thỏa thuận và yêu cầu trả tiền nhưng vợ chồng anh Hoàng A không thực hiện nên mới khởi kiện. Anh S yêu cầu vợ chồng anh Hoàng A, chị Cẩm N phải trả số nợ gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 20/02/2024 là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), kể từ ngày 21/02/2024 về sau thì tính lãi theo quy định của nhà nước cho đến khi giải quyết xong vụ kiện. Trường hợp vợ chồng anh Hoàng A và chị Cẩm N không trả nợ thì yêu cầu Tòa án xử lý quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất mà vợ chồng anh Hoàng A và chị Cẩm N đã thế chấp cho anh S diện tích 1.346.5m², căn nhà cấp bốn, nền gạch, vách dinding, mái lợp tol, cửa kéo Đài Loan, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa anh S trình bày: Yêu cầu anh Hoàng A và chị N trả một lần nợ gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi từ tháng 6/2023 đến nay tính tròn là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

- *Bị đơn là anh Hoàng A và chị N trình bày:* Vợ chồng anh chị và anh S là chỗ làm ăn quen biết lâu năm, do kẹt vốn làm ăn nên vào ngày 05/5/2022 có vay số tiền là 100.000.000 đồng, có làm giấy tay. Thời hạn vay là 01 năm, lãi mỗi tháng là 4.000.000 đồng. Đến tháng 6/2023 thì làm lại hợp đồng vay. Từ khi vay đến nay có đóng lãi cho anh S được 15 tháng và sau đó do điều kiện kinh tế khó khăn nên không thể đóng lãi cho anh S được đầy đủ nữa. Đồng ý trả cho anh S số tiền gốc và lãi theo yêu cầu, nhưng hoàn cảnh khó khăn, khi nào vay tiền của ngân hàng được thì trả một lần đủ số tiền nợ gốc, còn không thì cho trả dần.

Tại phiên tòa, vợ chồng anh Hoàng A và chị N trình bày: Thống nhất số nợ và trả cho anh S số nợ gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi là 15.000.000 đồng. Nhưng hoàn cảnh khó khăn, buôn bán hằng ngày không được bao nhiêu; trên đất có nhà mô nên ngân hàng không cho vay. Đề nghị cho trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng và chấp hành nội quy phiên tòa. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày xét xử là 15.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Hoàng A và chị N vay tiền của anh S và có tranh chấp nên xác định quan hệ pháp luật vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã giải thích các trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí, nhưng các đương sự không thuộc đối tượng được trợ giúp theo quy định.

[2] Nội dung tranh chấp: Anh Hoàng A và chị N thừa nhận có vay của anh S số tiền 100.000.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện có thật được các bên thừa nhận, đương sự không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên nhân xảy ra tranh chấp là do anh Hoàng A, chị N không đóng lãi theo hợp đồng vay. Tại phiên tòa các bên thống nhất nợ gốc hiện tại là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 15.000.000 đồng, số tiền lãi tính từ tháng 6/2023 đến ngày 09/7/2024 làm tròn 15.000.000 đồng là không vượt mức lãi suất quy định. Số tiền lãi đã đóng trước đây anh Hoàng A và chị N không yêu cầu xem xét lại. Tuy nhiên, bị đơn xin được trả dần hàng tháng nhưng phía nguyên đơn không thống nhất nên Hội đồng xét xử không có cơ sở công nhận sự thỏa thuận mà phải buộc anh Hoàng A và chị N cùng liên đới trả cho anh S số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi 15.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện anh S yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nhưng tại phiên tòa anh S yêu cầu trả nợ, thời gian thanh toán và tài sản sẽ yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý nếu như anh Hoàng A và chị N không thanh toán nợ.

[3] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thi hành số nợ $115.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.750.000 \text{ đồng}$.

Nguyên đơn không chịu án phí nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 92, 147, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh T Trường Sa đối với anh Mạc Văn Hoàng A và chị Dương Thị Cẩm N. Buộc anh Hoàng A và chị Cẩm N cùng liên đới trả cho anh Trường S số tiền là 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng). Trong đó nợ gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 09/7/2024 là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong số tiền, hằng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2- Án phí sơ thẩm: Anh Mạc Văn Hoàng A và chị Dương Thị Cẩm N phải chịu án phí sơ thẩm là 5.750.000 đồng (Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho anh Thái Trường S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.875.000 đồng (Hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005191 ngày 07/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận